

Số: 47 /2021/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 09 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 51/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về chuyển đổi mô hình hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa từ phương thức trực tiếp tổ chức điều hành hoạt động sang phương thức ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh tại tờ trình số 208/TTr-HĐQL ngày 19 tháng 7 năm 2021; Báo cáo thẩm định số 1472/BC-STP ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Sở Tư pháp; ý kiến trình của Giám đốc Sở Nội vụ tại tờ trình số 2396/TTr-SNV ngày 03 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận, gồm 07 Chương 26 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8 năm 2021, thay thế Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Các cơ quan Đảng, Đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- TT Công nghệ Thông tin và TT (Sở TT&TT);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH, VXNV;
- Lưu: VT. ĐN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Nam



ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận
(Kèm theo Quyết định số 47 /2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Ngoài các thuật ngữ quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, trong Điều lệ này những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1. “Vốn điều lệ” là mức vốn quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là Quỹ).

2. “Người có liên quan” là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở

1. Tên gọi của Quỹ:

a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận;

b) Tên viết tắt: NDIF;

c) Tên giao dịch quốc tế: Ninh Thuan Development Investment Fund;

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 59 đường 16 tháng 4, phường Thanh Sơn, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

3. Điện thoại, fax, trang thông tin điện tử:

a) Điện thoại: 0259.3828585 - 0259.3828587;

b) Fax: 0259.3828585;

c) Trang thông tin điện tử: <https://www.ndif.com.vn>.

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân

1. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận là quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận thành lập theo Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cho vay và đầu tư tại địa phương theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ và Điều lệ này. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với Quỹ.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ:

a) Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động độc lập với ngân sách Nhà nước.

b) Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ của Quỹ.

c) Thực hiện cho vay, đầu tư đúng đối tượng và điều kiện theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

2. Phạm vi hoạt động của Quỹ:

a) Huy động vốn trung, dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

b) Cho vay các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

c) Đầu tư các dự án, đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

d) Ủy thác cho vay, đầu tư; nhận ủy thác quản lý các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật, Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

đ) Thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Quỹ: 300 tỷ đồng (Ba trăm tỷ đồng).
2. Việc thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức và quản lý

1. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Quỹ bao gồm:
 - a) Hội đồng quản lý bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch thường trực, Phó Chủ tịch chuyên trách và các thành viên;
 - b) Ban Kiểm soát bao gồm: Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên;
 - c) Ban điều hành bao gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.
2. Thẩm quyền quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người quản lý Quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Mục 1

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA QUỸ

Điều 7. Hoạt động đầu tư

1. Nguyên tắc và hình thức đầu tư:
 - a) Việc sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để đầu tư phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ và không thuộc phạm vi đầu tư công. Ngoài các quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, hoạt động đầu tư của Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai, pháp luật khác có liên quan.
 - b) Quỹ lựa chọn các hình thức đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư bao gồm:

- Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế.
- Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.
- Đầu tư theo hình thức hợp đồng (hợp đồng đầu tư theo phương thức đối tác công tư - PPP và hợp đồng hợp tác kinh doanh - BCC) hoặc thực hiện dự án đầu tư.
- Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật về đầu tư.

c) Quỹ không được đầu tư trong các trường hợp sau:

- Góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp, thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là người có liên quan của người quản lý Quỹ.
- Góp vốn cùng công ty con để đầu tư thành lập tổ chức kinh tế hoặc đầu tư theo hình thức hợp đồng.

2. Đối tượng đầu tư:

a) Đối tượng đầu tư của Quỹ là các dự án, doanh nghiệp có ngành, nghề kinh doanh chính thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

b) Căn cứ vào danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ, Quỹ lựa chọn, thẩm định, quyết định đầu tư hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư vào các dự án, doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ điều kiện đầu tư quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

3. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế:

a) Việc đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Phương án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp được đánh giá có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn đầu tư.

- Tổ chức kinh tế được đầu tư, góp vốn có ngành, nghề kinh doanh chính thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

b) Quỹ quản lý, chuyển nhượng phần vốn góp tại các tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

4. Đầu tư theo hình thức hợp đồng và thực hiện dự án đầu tư:

a) Việc đầu tư dự án của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Dự án được đánh giá có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn đầu tư.
- Dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.
- Dự án tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư.

b) Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thành lập doanh nghiệp dự án để quản lý dự án đầu tư theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Quỹ triển khai thực hiện dự án đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư và quy định của pháp luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

5. Thẩm quyền quyết định đầu tư:

a) Giám đốc Quỹ quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị dưới 02% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư.

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị từ 02% đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư.

d) Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 5 Điều này có thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; quyết định chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

6. Giới hạn đầu tư:

a) Tổng giá trị giải ngân các khoản đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn đầu tư.

b) Tổng giá trị giải ngân các khoản đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều này tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn đầu tư.

c) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn đầu tư khác với quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

7. Hồ sơ, thủ tục, quy trình thẩm định, xét duyệt và một số nội dung khác có liên quan về đầu tư thực hiện theo Quy chế, Quy trình đầu tư của Quỹ.

Điều 8. Hoạt động cho vay

1. Đối tượng và điều kiện cho vay:

a) Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

- Không là công ty con của Quỹ.

- Chủ đầu tư là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật.

b) Điều kiện cho vay:

- Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay quy định tại điểm a, khoản này.

- Dự án vay vốn được Quỹ thẩm định, đánh giá là dự án có hiệu quả, chủ đầu tư có khả năng trả được nợ vay.

- Dự án vay vốn tuân thủ quy định của pháp luật đầu tư.

- Chủ đầu tư mua bảo hiểm tài sản tại một doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với tài sản bảo đảm tiền vay thuộc đối tượng bắt buộc mua bảo hiểm.

2. Thời hạn cho vay:

a) Quỹ quyết định thời hạn cho vay đối với từng dự án trên cơ sở kết quả thẩm định, khả năng thu hồi vốn của dự án, khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 năm.

b) Trường hợp cho vay vượt quá thời hạn cho vay tối đa theo quy định tại điểm a, khoản này, Quỹ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Lãi suất cho vay:

a) Lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, có tính đến chi phí cơ hội của nguồn vốn chủ sở hữu, đảm bảo bù đắp chi phí quản lý, chi phí trích lập dự phòng rủi ro cho vay và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay.

b) Định kỳ hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại điểm a khoản này, Giám đốc Quỹ tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

c) Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại điểm b khoản này.

d) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định tại Điều lệ này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

4. Bảo đảm tiền vay:

a) Tùy thuộc vào từng dự án cụ thể, Quỹ xem xét, sử dụng các biện pháp đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay.

b) Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng ký giữa Quỹ và chủ đầu tư vay vốn.

5. Quy định về cho vay hợp vốn:

a) Quỹ được làm đầu mối hoặc tham gia cho vay hợp vốn với các Quỹ, với tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác để cho vay dự án.

b) Dự án cho vay phải thuộc đối tượng cho vay của các Quỹ tham gia, đồng thời đáp ứng các điều kiện cho vay và giới hạn cho vay theo quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều này.

c) Việc cho vay hợp vốn được thực hiện theo hợp đồng ký kết giữa các bên, trong đó nêu rõ điều kiện, điều khoản cho vay, thẩm quyền cho vay, việc xử lý rủi ro theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

d) Lãi suất cho vay do các bên tham gia cho vay quyết định, được ghi trong hợp đồng và không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của từng Quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Thẩm quyền quyết định cho vay:

a) Giám đốc Quỹ quyết định đối với dự án cho vay có giá trị dưới 3% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định đối với dự án cho vay có giá trị từ 3% đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với dự án cho vay có giá trị lớn hơn 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho vay quy định tại khoản 7 Điều này.

7. Giới hạn cho vay:

a) Giới hạn cho vay đối với một dự án tại thời điểm giải ngân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

b) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

c) Đối với một dự án, trường hợp Quỹ vừa cho vay vừa đầu tư thì tổng giới hạn đầu tư và cho vay tại thời điểm giải ngân không vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn.

d) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

8. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay:

a) Quỹ thực hiện phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay theo quy định của pháp luật đối với ngân hàng thương mại.

b) Các trường hợp xem xét xử lý rủi ro:

- Chủ đầu tư bị thiệt hại về tài chính, tài sản do thiên tai, mất mùa, dịch bệnh, hỏa hoạn, rủi ro chính trị, chiến tranh gây ra ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

- Chủ đầu tư bị phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của chủ đầu tư, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

- Chủ đầu tư gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

- Chủ đầu tư có khoản nợ xấu theo kết quả phân loại nợ của Quỹ.

c) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập Hội đồng để xử lý rủi ro. Thành phần Hội đồng xử lý rủi ro bao gồm 01 thành viên Hội đồng quản lý Quỹ làm Chủ tịch, 01 thành viên là Giám đốc Quỹ, 01 thành viên là Trưởng bộ phận có chức năng quản lý rủi ro và tối thiểu 02 thành viên khác do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

d) Trường hợp sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, tối thiểu sau 05 năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và đã thực hiện tất cả các biện pháp xử lý rủi ro để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được, Quỹ được xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng nếu có đủ hồ sơ chứng minh đã thực hiện mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu được nợ và được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý.

đ) Giám đốc Quỹ xây dựng quy chế xử lý rủi ro và trình Hội đồng quản lý Quỹ ban hành sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh. Quy chế xử lý rủi ro bao gồm các nội dung cơ bản sau: nguyên tắc xử lý rủi ro; các trường hợp, biện pháp xử lý rủi ro; hồ sơ, trình tự thủ tục sử dụng dự phòng rủi ro; quy trình xử lý rủi ro và thẩm quyền quyết định xử lý rủi ro.

9. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ:

a) Quỹ xem xét, quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ gồm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và gia hạn nợ trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư, khả năng tài chính của Quỹ và kết quả đánh giá của Quỹ về khả năng trả nợ của chủ đầu tư. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ phải đảm bảo thời hạn cho vay sau khi cơ cấu lại đáp ứng quy định về thời hạn cho vay theo quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Quỹ được bán nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trường hợp bán nợ với giá thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản nợ.

c) Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ của Quỹ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tín dụng. Quỹ ban hành quy chế nội bộ, trong đó quy định rõ về quy trình, thẩm quyền, các trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ.

Điều 9. Hoạt động ủy thác và nhận ủy thác

1. Nhận ủy thác:

a) Quỹ được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư; cho vay và thu hồi nợ; cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Ninh Thuận, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Ninh Thuận và các Quỹ tài chính nhà nước khác tại địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Việc nhận ủy thác của Quỹ thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác. Quyết định/hợp đồng nhận ủy thác bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của bên ủy thác (nếu có) và bên nhận ủy thác (Quỹ).

- Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác.

- Số vốn ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác.

- Đối tượng thụ hưởng; trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên ủy thác.

- Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt văn bản ủy thác trước thời hạn; điều khoản về xử lý vi phạm (nếu có).

- Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Quỹ có trách nhiệm hạch toán tách bạch vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

2. Ủy thác:

a) Quỹ được ủy thác hoạt động nghiệp vụ cho các tổ chức tín dụng và các ngân hàng chính sách thực hiện. Việc ủy thác phải được thực hiện bằng văn bản ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

b) Các tổ chức nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức ghi tại văn bản ủy thác.

Điều 10. Hoạt động huy động vốn

1. Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn theo các hình thức sau đây:

a) Vay các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

b) Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

c) Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ được nhận các khoản đặt cọc và ký cược theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổng mức vốn huy động của Quỹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tối đa bằng 06 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính bán niên tại thời điểm gần nhất.

4. Trường hợp Quỹ thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Chức năng, nhiệm vụ khác của Quỹ

Quỹ thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nhưng không trái với quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ và các văn bản pháp luật liên quan.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 12. Trách nhiệm của Quỹ

1. Thực hiện đầu tư, cho vay theo danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

2. Thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán và báo cáo theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

3. Tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

5. Tuân thủ quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

Điều 13. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức hoạt động theo quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Được lựa chọn các dự án đáp ứng đủ điều kiện để đầu tư, cho vay theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

3. Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ, nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật.

5. Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.

6. Thực hiện các quyền lợi khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA QUỸ

Điều 14. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 05 (năm) người, bao gồm Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 02 thành viên (sau đây gọi chung là thành viên Hội đồng quản lý). Giám đốc Quỹ có thể kiêm Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Các thành viên khác của Hội đồng quản lý có thể hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được kiêm nhiệm bất kỳ chức vụ quản lý khác tại Quỹ. Cơ cấu Hội đồng quản lý Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, gồm có:

a) 01 lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ tịch Hội đồng.

- b) Giám đốc Sở Tài chính: Phó Chủ tịch thường trực.
- c) Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh: Phó Chủ tịch chuyên trách.
- d) Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư: Thành viên.
- e) Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước tỉnh: Thành viên.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ là 05 (năm) năm. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng quản lý Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Hội đồng quản lý Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng quản lý mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ.

d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành pháp luật.

đ) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

e) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

g) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm ít nhất 05 năm đối với Phó Chủ tịch hoặc ít nhất 03 năm đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

c) Không là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ.

d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành pháp luật.

đ) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

e) Không là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

g) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị Tòa án kết án bằng bản án.

c) Vi phạm nghiêm trọng các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật.

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

đ) Có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

e) Nghỉ hưu.

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Hội đồng quản lý Quỹ họp thường kỳ tối thiểu 02 lần/năm để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, Trưởng Ban Kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận. Cuộc họp do Chủ tịch hoặc một thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ được Chủ tịch ủy quyền (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) chủ trì.

b) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 3/5 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng văn bản.

c) Các kết luận của Hội đồng quản lý Quỹ được thể hiện bằng Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản lý.

d) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý.

đ) Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được các thành viên tham dự cuộc họp cùng ký xác nhận. Kết luận của cuộc họp phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý, Ban điều hành Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

e) Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Quỹ phải có trách nhiệm chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này; bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án điều chỉnh vốn điều lệ của Quỹ để quyết định theo thẩm quyền.

b) Thông qua kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ và các quy chế khác theo quy định tại Điều lệ này.

d) Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

đ) Thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay và mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

e) Quyết định hoạt động cho vay, đầu tư, phương án huy động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

g) Thông qua báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

h) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

i) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

k) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

l) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc khoan nợ, xoá nợ gốc theo thẩm quyền quy định.

m) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thành viên/Chủ tịch Công ty về cơ chế tiền lương, tiền thưởng của Quỹ theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn.

n) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo xếp loại hiệu quả hoạt động của Quỹ; báo cáo tài chính, quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ; mức hoặc tỷ lệ trích lập cụ thể vào các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của Quỹ.

o) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

p) Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này.

q) Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

r) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ tiếp nhận vốn điều lệ do ngân sách cấp và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ.

b) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại khoản 8 Điều này.

d) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý.

đ) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

e) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về các nhiệm vụ được ủy quyền.

g) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch và thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Tham dự họp Hội đồng quản lý Quỹ; thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại khoản 8 Điều này và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

11. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; không sử dụng thông tin hoạt động của Quỹ hoặc lợi dụng chức vụ và tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của người khác.

12. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ được sử dụng con dấu của Quỹ cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 15. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu và việc quản lý điều hành tại Quỹ. Ban Kiểm soát có 03 thành viên, trong đó có 01 (một) Trưởng ban chuyên trách phụ trách hoạt động của Ban Kiểm soát, 02 (hai) thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Chế độ hoạt động của Ban Kiểm soát; mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát Quỹ với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với thành viên Ban Kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

5. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát mới chưa được bổ nhiệm thì Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban Kiểm soát mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

6. Điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban, thành viên Ban Kiểm soát Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng.

c) Không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành, nhân viên của Quỹ; không là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh này.

d) Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Trưởng ban, thành viên Ban Kiểm soát Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban Kiểm soát hoặc tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban Kiểm soát trong trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát.

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị Tòa án kết án bằng bản án.

c) Lợi dụng quyền hạn để gây cản trở đến hoạt động của Quỹ, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao, vi phạm nghiêm trọng các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật.

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

đ) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

e) Nghỉ hưu.

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của cấp có thẩm quyền.

8. Nhiệm vụ, quyền hạn Ban Kiểm soát Quỹ:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách chế độ, Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy chế hoạt động, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch thực hiện; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 16. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ là 05 (năm) năm. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà chưa được bổ nhiệm lại hoặc Giám đốc Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Giám đốc Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi được bổ nhiệm lại hoặc Giám đốc mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

3. Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc Quỹ.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm ít nhất 05 năm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

c) Không là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát, Thủ quỹ và người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Giám đốc Quỹ.

d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Giám đốc Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc Quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều này.

b) Không hoàn thành các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ giao mà không giải trình được nguyên nhân chính đáng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc có hệ thống các nghị quyết, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đến mức bị kỷ luật.

d) Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tư lợi hoặc làm lợi cho người khác.

đ) Báo cáo không trung thực tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ.

e) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị Tòa án kết án bằng bản án.

g) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định.

h) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

i) Nghỉ hưu.

k) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo thẩm quyền.

c) Thực hiện tuyển dụng, bố trí sử dụng lao động, quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh của bộ máy giúp việc (trưởng hoặc phó phòng/ban nghiệp vụ) và người lao động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Giám đốc Quỹ có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế tuyển dụng lao động để làm cơ sở thực hiện các nội dung quy định tại điểm c khoản này.

d) Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

đ) Trình Hội đồng quản lý ban hành Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ. Ban hành theo thẩm quyền các quy chế, quy trình nội bộ để tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo phân cấp của Hội đồng quản lý Quỹ.

e) Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ.

g) Trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, sau đó trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản lý và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

Điều 17. Phó Giám đốc

1. Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Số lượng Phó Giám đốc Quỹ có tối đa 03 (ba) người.

2. Nhiệm kỳ của Phó Giám đốc Quỹ là 05 (năm) năm.

3. Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Phó Giám đốc Quỹ.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm ít nhất 05 năm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

c) Không là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban Kiểm soát, Thủ quỹ và người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ.

d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Phó Giám đốc Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của Phó Giám đốc Quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều này.

b) Không chấp hành và không hoàn thành các nhiệm vụ do Giám đốc Quỹ giao mà không giải trình được nguyên nhân chính đáng.

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc có hệ thống các nghị quyết, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đến mức bị kỷ luật.

d) Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tư lợi hoặc làm lợi cho người khác.

đ) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị Tòa án kết án bằng bản án.

e) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định.

g) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

h) Nghỉ hưu.

i) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản hướng dẫn (nếu có).

2. Nhiệm kỳ của Kế toán trưởng là 05 (năm) năm. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà chưa được bổ nhiệm lại hoặc Kế toán trưởng mới chưa được bổ nhiệm thì Kế toán trưởng của nhiệm kỳ hiện tại vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi được bổ nhiệm lại hoặc Kế toán trưởng mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

3. Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Kế toán trưởng Quỹ.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn, văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

c) Không phải vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát, Thủ quỹ và người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kế toán trưởng Quỹ.

d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Kế toán trưởng Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của Kế toán trưởng Quỹ theo quy định tại khoản 4 Điều này.

b) Không chấp hành và không hoàn thành các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ giao mà không giải trình được nguyên nhân chính đáng.

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc có hệ thống các nghị quyết, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ, Điều lệ này đến mức bị kỷ luật.

d) Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tư lợi hoặc làm lợi cho người khác.

đ) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị Tòa án kết án bằng bản án.

e) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định.

g) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

h) Nghỉ hưu.

i) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 19. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc của Quỹ gồm các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ điều hành, quản lý Quỹ; do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, cơ cấu lại hoặc giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

2. Số lượng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Quỹ không quá 04 phòng.

3. Lãnh đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Điều 20. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp của người quản lý, người lao động Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Việc xếp hạng Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Kết quả hoạt động của Quỹ là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập khác và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ. Sau khi nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế, phần chênh lệch này được phân phối như sau:

a) Bù đắp khoản chênh lệch thu chi âm đến thời điểm quyết toán.

b) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển.

c) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ của Quỹ thì không trích nữa.

d) Trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện của người lao động vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi; trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý vào quỹ thưởng người quản lý.

đ) Phần chênh lệch còn lại được tiếp tục bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ.

5. Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ. Báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Điều 65 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

6. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương V

MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM GIỮA QUỸ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Điều 21. Cơ quan thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Quỹ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ và Điều lệ này.

2. Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn giúp việc, thay mặt Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động, tài chính của Quỹ và thực hiện một số nhiệm vụ khác có liên quan theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 22. Các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và quy định của các tổ chức đó.

Điều 23. Trách nhiệm của các đơn vị, doanh nghiệp vay vốn, nhận vốn đầu tư của Quỹ

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn vay, vốn đầu tư của Quỹ đúng mục đích, hiệu quả.
2. Hoàn trả vốn vay, đầu tư cho Quỹ đầy đủ, kịp thời theo quy định.
3. Cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh cho Quỹ thẩm định, xem xét quyết định cho vay, đầu tư.
4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Quỹ theo định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất, kinh doanh; tình hình tài sản bảo đảm tiền vay; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ đã cho vay, đầu tư và các nội dung khác có liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.
5. Tuân thủ các nội dung khác có liên quan theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

Chương VI

XỬ LÝ TRANH CHẤP, CƠ CẤU LẠI, GIẢI THỂ

Điều 24. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 25. Cơ cấu lại, giải thể Quỹ

1. Quỹ xây dựng phương án cơ cấu lại hoặc giải thể Quỹ, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Việc cơ cấu lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Chủ sở hữu, Hội đồng quản lý Quỹ, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.
2. Các Quy chế nội bộ của Quỹ phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.
3. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ nhưng chưa được quy định tại Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều, khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Quỹ.
4. Trường hợp cần thiết theo yêu cầu quản lý hoặc theo quy định pháp luật, Quỹ có trách nhiệm xây dựng, báo cáo Hội đồng quản lý thông qua và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ theo trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các Sở, ngành, đơn vị liên quan có ý kiến gửi về Quỹ để tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ này cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành./.